TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOÀI ĐỨC** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **290**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 08/7/2022;
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ĐỨC – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Lưu.
2. Bà Nguyễn Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Luyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Diệp – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 157/2022/TLST-HNGĐ ngày 25/4/2022, về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2022/QĐXX-ST ngày 31 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Phí Đắc Ch**, sinh năm 1966. (Có mặt)
- Bị đơn: Bà **Lê Thị M**, sinh năm 1972. (Vắng mặt)

Cùng hộ khẩu thường trú: Thôn Lưu Xá, xã Đức Giang, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Đơn xin ly hôn ngày 31/3/2022 và lời khai trong toàn bộ quá trình giải quyết, nguyên đơn – ông Phí Đắc Ch bày:

Ông và bà Lê Thị M lấy nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 1990, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Giang, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Quá trình chung sống, ông bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về lối sống sinh hoạt, quan điểm làm ăn kinh tế, bà M sử dụng kinh tế gia đình vào việc riêng (đầu tư kinh doanh tiền ảo) mà không được sự đồng ý của ông và các con, bị thua lỗ làm ảnh hưởng cuộc sống chung của cả gia đình. Ông và các con có khuyên bảo nhiều lần nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, ông và bà M sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không ai có thiện chí giải quyết mâu thuẫn để đoàn tụ vợ chồng. Trong thời gian vợ chồng xảy ra mâu thuẫn căng thẳng, bà M đi khỏi nhà, ở đâu làm gì không rõ, giấu không cho ai trong gia đình biết, thỉnh thoảng về nhà xong lại đi,

chủ yếu liên lạc điện thoại qua con cái nắm tình hình gia đình. Gần đây, ông thông báo cho bà M việc ông nộp đơn ly hôn, lúc đầu bà M đồng ý ly hôn, sau đó lại thay đổi ý kiến không về nữa và hiện nay chặn liên lạc. Theo ông, do bà M vướng vào việc vay nợ nhiều người nên không muốn công khai xuất hiện, còn bà M cũng không còn tình cảm gì với ông và cũng muốn ly hôn.

Tháng 9/2021, ông đã nộp đơn ly hôn bà M, sau đó rút đơn. Kể từ khi ông rút đơn ly hôn nhưng bà M vẫn không về chung sống cùng ông. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã kéo dài, không giải quyết được, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn bà M.

Về con chung: Ông và bà M có 03 con chung là: Phí Thị Tr, sinh năm 1993; Phí Thị Thùy D, sinh năm 1995 và Phí Đắc T, sinh năm 2001. Các con chung đều có sức khỏe, tâm lý bình thường, hiện đều đã đến tuổi thành niên, ông không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Ông bà không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã thông báo, triệu tập bị đơn – bà Lê Thị M lên Tòa để lấy lời khai nhưng bà M không có mặt, vì vậy Tòa án không lấy được lời khai của bà M.

Tại phiên tòa:

Ông Ch vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn đối với bà M vì vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, không thể khắc phục được. Về con chung, tài sản chung, công nợ chung, ông vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày. Ngoài ra, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, lấy lời khai, công khai chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ sang Viện kiểm sát đúng quy định, đảm bảo thời hạn xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: các đương sự đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Ch; Về con chung, không giải quyết do các con chung của ông Ch và bà M đều đủ 18 tuổi, sức khỏe bình thường; ông Ch không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, công nợ chung không có; về án phí, ông Ch phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

1.1. Tại Đơn xin ly hôn và các tài liệu kèm theo thể hiện bị đơn có nơi cư trú tại Thôn Lưu Xá, xã Đức Giang, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội, vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức thụ lý và giải quyết vụ án hôn nhân gia đình trên là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1.2. Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bà Lê Thị M theo quy định pháp luật nhưng bà M vẫn vắng mặt lần hai không có lý do chính đáng, vì vậy tiến hành xét xử vắng mặt bà M là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về hôn nhân: Ông Phí Đắc Ch và bà Lê Thị M lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 17/7/1990 tại UBND xã Đức Giang, huyện Hoài Đức, Hà Nội trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân huyện Hoài Đức đã ra Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, Thông báo về việc lấy lời khai và giao nộp chứng cứ, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và đã tống đạt hợp lệ cho các đương sự, nhưng chỉ có ông Ch có mặt, bà M không đến Tòa và không nộp (gửi) cho Toà án văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông Ch và cũng không gửi cho Toà án tài liệu, chứng cứ bảo vệ cho quyền lợi của mình. Do vậy, Toà án không lấy được lời khai của bà M nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét ý kiến của bà M.

Qua các tài liệu có trong hồ sơ và tài liệu do Toà án thu thập tại địa phương nơi ông Ch, bà M chung sống thể hiện: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn Lưu Xá, xã Đức Giang, huyện Hoài Đức, Hà Nội. Từ khoảng năm 2017 đến nay, bà M không thường xuyên sinh sống ở nhà cùng ông Ch và các con, thỉnh thoảng về qua nhà sau đó lại đi đâu không rõ. Bà M không báo tạm vắng với Công an xã Đức Giang nên hiện nay không rõ bà M đang sinh sống ở đâu.

Xét thấy, sau kết hôn ông Ch và bà M chung sống đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến vợ chồng không còn chung sống với nhau, công việc của ai người đó làm, kinh tế không liên quan đến nhau. Từ năm 2017 vợ chồng sống mỗi người một nơi, chỉ liên lạc với nhau qua điện thoại. Do mâu thuẫn căng thẳng nên tháng 9/2021, ông Ch đã nộp xin đơn ly hôn bà M, nhưng được Tòa án hòa giải nên ông rút đơn. Tuy nhiên, sau đó mối quan hệ hôn nhân vẫn không được cải thiện, ông bà vẫn không về chung sống với nhau, bà M hiện ở đâu ông không biết, vợ chồng không hòa giải được nên ông Ch tiếp tục có đơn ly hôn bà M.

Như vậy, có căn cứ xác định từ năm 2017, quan hệ vợ chồng giữa ông Ch và bà M đã phát sinh mâu thuẫn và tình trạng mâu thuẫn là trầm trọng, không thể khắc phục được, ông bà sống sống ly thân, không ở cùng nhà, không sẻ chia, giúp đỡ nhau thực hiện các công việc trong gia đình và không thực hiện các nghĩa vụ vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác".* Điều đó thể hiện tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, ông Ch xin ly hôn bà M là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2. Về con chung: Ông Ch và bà M có 03 con chung là Phí Thị Tr, sinh ngày 15/6/1993; Phí Thị Thùy D, sinh ngày 10/12/1995; Phí Đắc T, sinh ngày 09/12/2001. Hiện đều đã đủ 18 tuổi, sức khỏe bình thường nên Hội đồng xét xử không xét.

2.3. Về tài sản chung: Ông Ch không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

2.4. Về công nợ: Ông Ch xác nhận vợ chồng không nợ chung ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Ngoài ra, ông Ch không yêu cầu giải quyết vấn đề nào khác nên Hội đồng xét xử không xét.

Bà M không có ý kiến trình bày về tài sản, công nợ nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Giành quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác về tài sản khi bà M có đơn yêu cầu.

2.5. Về án phí và quyền kháng cáo:

Ông Ch phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Ông Ch, bà M có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70; Điều 71; Điều 72; *khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 220*; *Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;*

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1.1 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Phí Đắc Ch đối với bà Lê Thị M. Ông Ch được ly hôn bà M.

2. Về con chung: Ông Phí Đắc Ch và bà Lê Thị M có 03 con chung là Phí Thị Tr, sinh ngày 15/6/1993; Phí Thị Thùy D, sinh ngày 10/12/1995; Phí Đắc T, sinh ngày 09/12/2001. Các con chung đã đủ 18 tuổi, sức khỏe bình thường nên Hội đồng xét xử không xét.

3. Về tài sản chung: Ông Ch không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về công nợ: Ông Ch xác nhận vợ chồng không nợ chung ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Giành quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác về tài sản, nhà ở và những yêu cầu khác cho bà M khi có đơn yêu cầu.

5. Về án phí*:* Ông Phí Đắc Ch phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2020/0015660 ngày 25/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt ông Phí Đắc Ch, vắng mặt bà Lê Thị M. Ông Ch có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND h.Hoài Đức;*
- *TAND TP.Hà Nội;*
- *VKSND TP.Hà Nội;*
- *Chi cục THADS h.Hoài Đức;*
- *UBND x.Đức Giang, h.Hoài Đức, Hà Nội. (Giấy chứng nhận kết hôn số 60 ngày 17/7/1990).*
- *Lưu HS,VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Lan Anh